

NỘI DUNG HỌC TẬP MÔN NGỮ VĂN KHỐI 11

HỌC KỲ I, NĂM HỌC: 2021-2022

THỜI GIAN	NỘI DUNG KIẾN THỨC	HÌNH THỨC
Tuần 3	Phân tích đề, lập dàn ý văn nghị luận	Xem nội dung bên dưới, SGK
	Thao tác lập luận phân tích	Xem nội dung bên dưới, SGK
	Đọc hiểu	Xem nội dung bên dưới, SGK
	Viết đoạn văn NLXH	Xem nội dung bên dưới, SGK
	<i>Nghệ thuật sử dụng ngôn từ qua bài thơ “Câu cá mùa thu”- NK</i>	Xem nội dung bên dưới, SGK
Tuần 4	Bài ca ngất ngưỡng	Xem nội dung bên dưới, SGK
	Bài ca ngắn đi trên bãi cát	Xem nội dung bên dưới, SGK
	Chạy giặc, Bài ca phong cảnh Hương Sơn	Xem nội dung bên dưới, SGK
	Khóc Dương Khuê, Vịnh khoa thi Hương	Xem nội dung bên dưới, SGK

PHÂN TÍCH ĐỀ, LẬP DÀN Ý VĂN NGHỊ LUẬN

I. Phân tích đề

1. Xét ví dụ SGK

2. **Đề 1:** Có định hướng cụ thể, nêu rõ các yêu cầu về nội dung, giới hạn dẫn chứng

- *Vấn đề cần nghị luận:* Việc chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới
- *Yêu cầu về nội dung:* Từ ý kiến của Vũ Khoan, có thể suy ra:
 - + Người Việt Nam có nhiều điểm mạnh: thông minh, nhạy bén với những cái mới
 - + Người VN cũng không ít điểm yếu: thiếu hụt về kiến thức cơ bản, khả năng thực hành và sáng tạo hạn chế
 - + Phát huy điểm mạnh, khắc phục điểm yếu là thiết thực chuẩn bị hành trang vào thế kỉ XXI
- *Yêu cầu về phương pháp:* Sử dụng thao tác lập luận bình luận, giải thích, chứng minh; dùng dẫn chứng thực tế xã hội là chủ yếu

Đề 2: là “đề mở”: chỉ yêu cầu bàn về tâm sự của Hồ Xuân Hương trong bài thơ “Tự tình”, một khía cạnh nội dung của bài thơ, còn người viết phải tự tìm xem đó là gì, diễn biến ra sao, được biểu hiện như thế nào

- *Vấn đề cần nghị luận:* Tâm sự của Hồ Xuân hương trong bài thơ *Tự tình* (bài II)
- *Yêu cầu về nội dung:* Nêu cảm nghĩ của mình về tâm sự và diễn biến tâm trạng của HXH: nỗi cô đơn, chán chường, khát vọng được sống hạnh phúc
- *Yêu cầu về phương pháp:* Sử dụng thao tác lập luận phân tích kết hợp với nêu cảm nghĩ, dẫn chứng thơ Hồ Xuân Hương là chủ yếu.

Đề 3: là “đề mở”, người viết tự giải mã giá trị nội dung và hình thức của bài thơ

- *Vấn đề cần nghị luận:* Về một vẻ đẹp của bài thơ *Câu cá mùa thu* của Nguyễn Khuyến
- *Y/c về nội dung:* Nêu cảm nghĩ của mình về vẻ đẹp mùa thu trong bài thơ hoặc tâm trạng cả nhà thơ, vẻ đẹp ngôn ngữ của bài thơ “Câu cá mùa thu”
- *Yêu cầu về pp:* Sử dụng thao tác lập luận phân tích kết hợp với nêu cảm nghĩ, dẫn chứng thơ NK là chủ yếu.

2.Kết luận

Phân tích đề là công việc trước tiên trong quá trình làm một bài văn nghị luận. Khi phân tích đề, cần đọc kĩ đề bài, chú ý những từ ngữ then chốt để **xác định yêu cầu về nội dung, phương pháp lập luận và phạm vi tư liệu.**

II. Lập dàn ý

1. Ngữ liệu

a. Đề số 01

Mở bài

Việc chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới.

Thân bài

* Người VN có nhiều điểm mạnh:

- Thông minh
- Nhạy bén với cái mới...

* Điểm yếu

- Thiếu hụt về kiến thức cơ bản
- Khả năng thực hành kém
- Sáng tạo hạn chế

* Bài học

Phát huy những điểm mạnh, khắc phục điểm yếu để chuẩn bị hành trang tốt nhất khi bước vào thế kỉ mới.

- Khắc phục như thế nào?

- Chuẩn bị những gì?

Kết luận: Kết thúc vấn đề, nêu suy nghĩ của bản thân.

b. Đề 02

Mở bài

Tâm sự của HXH trước duyên phận của mình.

Thân bài

* Nỗi cô đơn, buồn tủi và lời thách thức duyên phận.

- Cô đơn, buồn tủi.

- Thách thức duyên phận

* Nỗi phẫn uất, phản kháng trước duyên phận của mình.

- Phẫn uất

- Phản kháng

* Gắng gượng vươn lên nhưng vẫn rơi vào bi kịch.

- Chán chường

- Buồn tủi, xót xa.

Kết bài

Tâm sự làm nổi bật khát vọng sống, khát vọng hạnh phúc của nhà thơ, mang ý nghĩa nhân văn sâu sắc.

2. Nhận xét.

a. Khái niệm.

Lập dàn ý là quá trình người viết tìm và sắp xếp các ý cơ bản của bài văn theo trình tự hợp lí, logic.

b. Quá trình lập dàn ý.

- Xác định luận điểm

- Xác lập luận cứ

- Sắp xếp luận điểm, luận cứ:

- Lưu ý:

+ Luận điểm, luận cứ trong dàn ý phải chính xác, phù hợp, đầy đủ, tiêu biểu.

+ Đề có dàn ý mạch lạc cần có kí hiệu trước đề mục.

BTVN: Cảm nghĩ của em về giá trị hiện thực trong đoạn trích "Vào phủ chúa Trịnh" (Trích "Thượng kinh kí sự" của Lê Hữu Trác).

HS thực hiện các bước phân tích đề và lập dàn ý chi tiết cho đề văn trên.

THAO TÁC LẬP LUẬN PHÂN TÍCH

I/ Mục đích, yêu cầu của thao tác lập luận phân tích

1. Ngữ liệu

* Luận điểm: trong câu mở đoạn “Nhưng ... bằng Sở Khanh”.

Để làm sáng rõ luận điểm đó, tác giả đã phân tích thành một hệ thống luận cứ nối tiếp nhau một cách logic).

* Luận cứ:

- Sở Khanh sống bằng nghề đòi bái, bất chính: nghề sống bám vào các thanh lâu, làm chồng hờ các gái điếm.

- Sở Khanh là kẻ đòi bái nhất trong những kẻ làm cái nghề đòi bái, bất chính đó:

+ Vờ làm nhà nho, làm hiệp khách, vờ yêu để kiểm chác, đánh lừa một người con gái ngây thơ, hiếu thảo. (Vì hiếu thảo mà bị rơi vào chôn lầu xanh, lại là người rất tin và đội ơn hấn).

+ Hấn lừa người là để họ bị đánh đập toi bời, bị ném vào kiếp lầu xanh không cách gì cưỡng lại.

+ Cách lừa người tàn nhẫn và vô liêm sỉ của hấn khiến người đọc, dù hiền lành đến mấy, cũng phải tức giận, giá có cách gì tóm được thì phải đánh cho hấn một trận.

+ Lừa bịp xong, hấn lại trở mặt ngay: hấn còn dẫn mặt mo đến, mắng át Kiều và toan đánh Kiều nữa. Cái trò trở mặt này đã diễn ra nhiều lần khiến hấn trở thành tay nổi tiếng bạc tình ở lầu xanh.

* Sự kết hợp một cách chặt chẽ giữa phân tích và tổng hợp trong đoạn văn:

- Câu mở đoạn nêu luận điểm bằng một ý khái quát.

- Các câu tiếp theo nêu luận cứ để làm sáng tỏ luận điểm bằng cách phân tích.

- Hai câu cuối (kết đoạn) tổng hợp lại, nhấn mạnh thêm ý khái quát của luận điểm đã nêu: “NV Sở Khanh hoàn thành bức tranh về các nhà chứa. Nó là cái mức cao nhất của tình hình đòi bái trong xã hội này.”

=> Đoạn văn của Hoài Thanh đã được viết theo lối tổng hợp – phân tích – tổng hợp (tổng – phân – hợp) thường gặp trong văn nghị luận.

2. Nhận xét

a. Khái niệm

Thao tác lập luận phân tích là thao tác chia nhỏ các đối tượng thành các yếu tố bộ phận để xem xét một cách kĩ càng nội dung, hình thức, mối quan hệ bên trong cũng như bên ngoài nhằm phát hiện ra bản chất của đối tượng.

2. Mục đích- yêu cầu

- Mục đích: ghi nhớ 01 sgk.27

- Yêu cầu: Phân tích phải gắn liền với tổng hợp.

II. Cách phân tích

1. Ngữ liệu

a. Ngữ liệu ở mục I

- Cách phân tích: (xem phần I)

- Phân tích dựa trên quan hệ nội bộ bản thân đối tượng: những biểu hiện về nhân cách bản thủ của SK.

b, Ngữ liệu 01 phần II

* Đối tượng nghị luận của đoạn văn: thế lực của đồng tiền trong xh Truyện Kiều.

* Tác giả đã phân chia đối tượng thành các mặt sau đây để xem xét, phân tích:

- Tác dụng tốt của đồng tiền (dẫn chứng)

- Tác hại của đồng tiền: đồng tiền đã trở thành một sức mạnh tác quái rất ghê gớm (mặt chủ yếu):

+ Cả một loạt hành động gian ác bất chính đều là do đồng tiền chi phối: quan lại, sai nha, Tó Bà, Bạc Bà, Bạc Hạnh, Sở Khanh, MGS, Ứng, Khuyển.

+ Cả một xã hội chạy theo đồng tiền: “máu tham hễ thấy hơi đồng thì mê”.

- Đồng tiền đã trở thành một thế lực vạn năng:

+ Tài hoa, nhan sắc, nhân phẩm, công lí đều không có nghĩa gì trước thế lực của đồng tiền.

+ Tài tình, hiếu hạnh như Kiều cũng chỉ là một món hàng, không hơn không kém.

+ Ngay cả Kiều, cái việc đại dột nhất, tội lỗi nhất trong đời nàng cũng do đồng tiền.

- Nói đến đồng tiền, thái độ của ND rất căm ghét và khinh bỉ. Ngay cả khi đồng tiền có tác dụng thu xếp vụ án Vuwong ông, ND vẫn mỉa mai, chua chát. (dẫn chứng)

* Cách phân chia:

- Phân chia theo quan hệ nội bộ của đối tượng: tác dụng tốt – xấu của đồng tiền.

- Phân chia theo quan hệ nguyên nhân- hệ quả.

* Quan hệ giữa phân tích và tổng hợp: thể hiện trong từng ý nhỏ và trong cả đoạn văn nói về đối tượng.

- Ý nhỏ: tác hại đồng tiền

+ Nêu ý khái quát: “Nhưng chủ yếu ND vẫn nhìn về mặt tác hại”

+ Phân tích:

Nêu lí lẽ: “Vì ND thấy rõ ... đều là do đồng tiền chi phối”.

Nêu dẫn chứng: quan lại, sai nha, Tó Bà, Bạc Bà, Bạc Hạnh, Sở Khanh, MGS, Ung, Khuyển.

+ Tổng hợp lại (tiểu kết): Cả một xã hội chạy theo đồng tiền (“Máu tham ... mê”)

- Cả đoạn:

+ Nêu ý khái quát: “Nhưng nói đến ... một sức mạnh tác quái rất ghê”.

+ Phân tích các mặt của đối tượng.

+ Tổng hợp lại bằng thái độ, giọng văn của ND khi nói đến đồng tiền.

c, Đoạn văn 02 phần II

- Đối tượng nghị luận của đoạn văn: vấn đề dân số trong thời đại ngày nay.

- Phân chia thành hai mặt để phân tích, xem xét:

+ Tốc độ ra tăng dân số của thế giới: tăng với nhịp độ chưa từng thấy (Dẫn chứng).

+ Dân số tăng sẽ ảnh hưởng không tốt đến đời sống của cá nhân, dân tộc và cộng đồng: ảnh hưởng đến bữa ăn hàng ngày, suy thoái sức khỏe, giồng nòi, thất nghiệp,... (Ở mặt thứ hai được chia nhỏ thêm thành nhiều mặt khác nhau để xem xét, phân tích nhằm làm cho đối tượng nghị luận được sáng tỏ).

2. Cách phân tích

- Khi phân tích, cần chia tách đối tượng thành các yếu tố theo những tiêu chí, quan hệ nhất định (Quan hệ giữa các yếu tố tạo nên đối tượng, quan hệ nhân quả, quan hệ giữa đối tượng với các đối tượng liên quan, quan hệ giữa người phân tích với đối tượng phân tích,...)

- Khi phân tích, cần đi sâu vào từng yếu tố, từng khía cạnh, song cần đặc biệt lưu ý đến quan hệ giữa chúng với nhau trong một chỉnh thể toàn vẹn, thống nhất.

BÀI TẬP VỀ NHÀ:

Câu 1 (trang 28 sgk Ngữ văn 11 -Tập 1): Tìm hiểu các quan hệ cơ sở cho việc phân tích đối tượng trong các lập luận sau:

a. Quan hệ nội bộ của đối tượng (diễn biến, các cung bậc tâm tạng "bàng hoàng" của Thúy Kiều)

b. Quan hệ giữa đối tượng này với đối tượng khác có liên quan (HS tìm dẫn chứng)

Câu 2 (trang 28 sgk Ngữ văn 11 Tập 1): Vẻ đẹp của ngôn ngữ nghệ thuật trong bài thơ Tự tình II của Hồ Xuân Hương thể hiện ở những khía cạnh nào?

- Nghệ thuật sử dụng từ ngữ giàu hình ảnh và cảm xúc, có sức biểu đạt cao tư tưởng và tâm trạng của nhân vật trữ

tình:.....

- Sự kết hợp giữa những động từ mạnh:..... với các bổ ngữ độc đáo:.....=> làm nổi bật sự bướng bỉnh và ngang ngạnh.

- Nghệ thuật đảo trật tự cú

pháp:.....

- Nghệ thuật sử dụng sóng đôi các cặp từ trái nghĩa, góp phần biểu lộ trạng thái bế tắc

- Nghệ thuật lặp

từ :.....

- Phép tăng

tiến:

ĐỌC HIỂU

I. Các phương thức biểu đạt: 6

- Tự sự: Trình bày diễn biến sự việc.
- Miêu tả: Tái hiện trạng thái, sự vật, con người
- Biểu cảm: Bày tỏ tình cảm, cảm xúc.
- Nghị luận: Trình bày ý kiến đánh giá, bàn luận...
- Thuyết minh: Trình bày đặc điểm, tính chất, phương pháp...
- Hành chính – công vụ: Trình bày ý muốn, quyết định nào đó, thể hiện quyền hạn, trách nhiệm giữa người với người.

II. Các phong cách ngôn ngữ: 6

- PCNN sinh hoạt: Nhật kí, thư từ, bút kí, mạng xã hội, tin nhắn điện thoại, có lời đối đáp của các nhân vật...
- PCNN nghệ thuật: Bài thơ, truyện ngắn, tiểu thuyết, tùy bút, ca dao... và các tác phẩm văn học nói chung

- PCNN báo chí: Có thời gian, sự kiện, nhân vật, những thông tin trong văn bản có tính thời sự.

- PCNN chính luận: + Có quan điểm, ý kiến của người nói/ người viết; Dùng nhiều từ ngữ chính trị; Được trích dẫn trong những văn bản chính luận ở SGK hoặc trong lời phát biểu của các nguyên thủ quốc gia trong hội nghị, hội thảo, nói chuyện thời sự.

- PCNN khoa học: Là các công trình khoa học như SGK, nghiên cứu khoa học,...

- PCNN hành chính: tiêu đề, có chữ kí, có dấu đỏ của các cơ quan chức năng ở cuối văn bản.

III. Các thao tác lập luận: 6

- Thao tác lập luận giải thích: cắt nghĩa sự vật hiện tượng, khái niệm để người khác hiểu rõ vấn đề

- Thao tác lập luận phân tích: chia nhỏ đối tượng thành nhiều yếu tố, bộ phận để đi sâu, xem xét

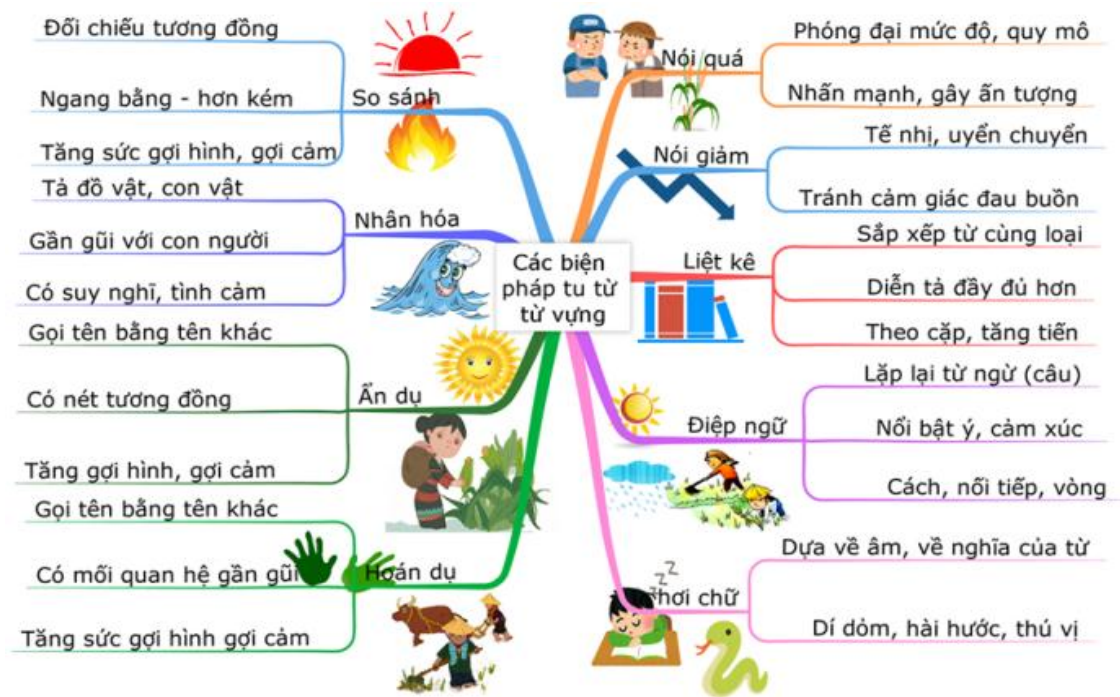
- Thao tác lập luận chứng minh: dùng những dẫn chứng chân thực, đã được thừa nhận để chứng minh đối tượng

- Thao tác lập luận bình luận: nhận xét, bàn bạc, đánh giá về một vấn đề

- Thao tác lập luận so sánh: làm sáng tỏ đối tượng trong mối tương quan (giống, khác) với đối tượng khác

- Thao tác lập luận bác bỏ: trao đổi, tranh luận để bỏ đi quan niệm sai

IV. Biện pháp tu từ



V. Chủ đề, đề tài

1. Khái niệm, cách xác định

Đặc điểm	Đề tài	Chủ đề
Khái niệm	Chỉ một phạm vi thực hiện được mô tả, phản ánh trực tiếp trong tác phẩm	Được xây dựng từ một đề tài nhất định và khai thác vào bề sâu
Cách xác định	- Không gian, thời gian được nói tới trong tác phẩm - Từ đó chỉ ra con người, cuộc sống được mô tả trong không gian, thời gian ấy	- Nhan đề - Hình tượng nhân vật chính - Cảnh ngộ, biến động dữ dội, khác thường - Lời phát biểu của nhân vật hoặc tác giả

2. Cách làm

- Xác định đúng yêu cầu câu hỏi, gạch chân vào các từ khóa quan trọng.
- Viết ngắn gọn, đúng ý.
- Trả lời: Đề tài/ chủ đề của văn bản là...

BÀI TẬP VẬN DỤNG

Đề 1: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

Một ước mơ phù hợp là yếu tố quan trọng góp phần làm nên một việc có ý nghĩa. Ước mơ là hình ảnh của những điều nằm trong tâm trí ta, và nếu bạn là người có quyết tâm thì bạn sẽ tìm cách đạt được nó. Những người làm nên nghiệp lớn trên thế giới đều là những người biết mơ ước.

Ước mơ không bao giờ hình thành ở những người thờ ơ, lười biếng hay thiếu tham vọng. Bạn hãy đặt ra những ước mơ nằm trong khả năng của mình và lên kế hoạch cụ thể để từng bước hiện thực hóa chúng. Trong khi vạch ra kế hoạch cụ thể để đạt được thành công, cả trong sự nghiệp lẫn cuộc sống thường ngày, bạn đừng bị lung lay hay nhụt chí bởi những người xem bạn như là kẻ mơ mộng. Để đạt được thành công như mong muốn trong một thế giới đang có nhiều thay đổi này, bạn phải học hỏi tinh thần của các bậc tiền bối – những người đã cống hiến cả cuộc đời mình cho sự phát triển của văn minh nhân loại. Tinh thần ấy là dòng huyết mạch của sự phát triển và là cơ hội để bạn giải phóng hết năng lực tiềm ẩn của mình. Hãy biết quên những ước mơ không thành của ngày hôm qua. Thay vào đó, cần biến ước mơ của ngày mai thành những công việc cụ thể, để một ngày không xa trong tương lai, chúng sẽ trở thành hiện thực.

Ước mơ không phải là cái sẵn có, cũng chẳng phải là cái không thể có. Ước mơ chính là con đường chưa được định hình, là hình ảnh của những điều nằm trong tâm trí bạn mà nếu có đủ quyết tâm, bạn hoàn toàn có thể hiện thực hóa chúng.

Nếu bạn tin tưởng vào những ước mơ của mình thì hãy cố gắng thực hiện bằng tất cả.

(Trích Không gì là không thể, George Matthew Adams)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích trên.

Câu 2. Theo tác giả, để đạt được thành công như mong muốn chúng ta cần phải làm gì?

Câu 3. Tác giả cho rằng: “*Một ước mơ phù hợp là yếu tố quan trọng góp phần làm nên một việc có ý nghĩa*”. Anh/chị hiểu như thế nào là ước mơ phù hợp?

Câu 4. Thông điệp nào trong đoạn trích trên có ý nghĩa nhất đối với anh/chị? Vì sao?

Đề 2: Đọc đoạn thơ:

Kim đồng hồ tích tắc, tích tắc

Hai tiếng động nhỏ bé kia

Hơn mọi âm ào găm thét

Là tiếng động khủng khiếp nhất đối với con người
 Đó là thời gian
 Nó báo hiệu mỗi giây phút đi qua không trở lại
 Nhắc nhở cái gì đang đợi ta ở cuối
 Nhưng anh, anh chẳng sợ nó đâu
 Thời gian - đó là chiều dài những ngày ta sống bên nhau
 Thời gian - đó là chiều dày những trang ta viết
 Bây giờ anh mới hiểu hết câu nói trong kịch Sexpia:
 “Tồn tại hay không tồn tại”
 Không có nghĩa là sống hay không sống
 Mà là hành động hay không hành động
 Nhận thức hay không nhận thức
 Tác động vào cuộc đời hay quay lưng lại nó?
 Anh không băn khoăn mình có tài hay kém tài, thành công hay thất bại
 Chỉ day dứt một điều: Làm sao với những sự vật bình thường
 Những ngày tháng bình thường
 Như chiếc hộp con, như tờ lịch trên tường
 Ta biến thành con tàu, thành tấm vé
 Những ban mai lên đường.

(Cho Quỳnh những ngày xa-Lưu Quang Vũ, NXB Hội nhà văn, 2010)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Đoạn trích trên được viết theo thể thơ nào?

Câu 2. Theo đoạn trích, tiếng động khủng khiếp đối với con người là gì?

Câu 3. Anh/ chị hiểu nội dung các dòng thơ sau như thế nào?

Ta biến thành con tàu, thành tấm vé

Những ban mai lên đường.

Câu 4. Thông điệp nào của đoạn trích có ý nghĩa nhất với anh/ chị?

ĐỀ 3: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi bên dưới

Bài học về việc đón nhận thành công luôn thật dễ hiểu và dễ thực hiện. Nhưng đối
 mặt với thất bại, nhất là thất bại đầu đời, lại là điều không hề dễ dàng. Với tất cả mọi
 người, thất bại - nhất là thất bại trong các mối quan hệ - thường vẫn tạo ra những tổn
 thương sâu sắc. Điều này càng trở nên nặng nề đối với các bạn trẻ. Nhưng bạn có biết
 rằng tất cả chúng ta đều có quyền được khóc? Vậy nên nếu bạn đang cảm thấy cô đơn,

tuyệt vọng thì hãy cho phép mình được khóc. Hãy để những giọt nước mắt ấm nồng xoa dịu trái tim đang thổn thức của bạn. Và hãy tin rằng ở đâu đó, có một người nào đó vẫn đang sẵn lòng kề vai cho bạn tựa, muốn được ôm bạn vào lòng và lau khô những giọt nước mắt của bạn... Muốn nhìn thấy cầu vồng, ta phải đi qua cơn mưa... Vì thế, hãy tin ngày mai nắng sẽ lên, và cuộc đời lại sẽ thơm hồng những ước mơ của bạn, một khi bạn còn giữ trong lòng ánh sáng của niềm tin.

(Theo Hạt giống tâm hồn dành cho tuổi teen, Tập 2 -Nhiều tác giả, NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, 2012, trang 02)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích.

Câu 2. Theo tác giả, điều gì có thể giúp con người đứng lên sau thất bại?

Câu 3. Chỉ ra và nêu tác dụng biện pháp tu từ trong câu: “*Muốn nhìn thấy cầu vồng, ta phải đi qua cơn mưa...*”

Câu 4. Anh/chị có đồng ý với ý kiến: “*Hãy tin ngày mai nắng sẽ lên, và cuộc đời lại sẽ thơm hồng những ước mơ của bạn, một khi bạn còn giữ trong lòng ánh sáng của niềm tin*”? Vì sao?

VIẾT ĐOẠN VĂN NGHỊ LUẬN XÃ HỘI

1. **Hình thức:** đoạn văn

- Không chấm xuống dòng
- Cấu trúc đoạn: Tổng- Phân- Hợp, có đủ mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn

2. **Vấn đề nghị luận:**

Được rút ra từ phần đọc hiểu. Vì vậy, học sinh phải hiểu được vấn đề và xác định được yêu cầu cần nghị luận

3. **Các dạng nghị luận xã hội:**

Dạng bài	NLXH về một tư tưởng đạo lí	NLXH về một hiện tượng đời sống
Nội dung	Bàn về một vấn đề thuộc lĩnh vực tư tưởng, đạo đức, lối sống, quan niệm của con người...	Bàn về một sự việc, hiện tượng có ý nghĩa đối với đời sống xã hội
Cách thức triển khai đoạn văn NLXH	* Mở đoạn: Giới thiệu vấn đề cần nghị luận * Thân đoạn - Giải thích vấn đề	* Mở đoạn: Giới thiệu vấn đề cần nghị luận (tích cực, tiêu cực, 2 mặt) * Thân đoạn

	- Lí giải tại sao - Chứng minh - Phản biện - Liên hệ bản thân * Kết đoạn: Khẳng định vấn đề	- Giải thích (nếu có) - Hiện trạng/ biểu hiện - Nguyên nhân/ kết quả - Hậu quả/tác dụng - Giải pháp (khắc phục/ phát huy) - Liên hệ bài học bản thân * Kết đoạn: Khẳng định vấn đề kêu gọi hành động
--	---	--

ĐỀ 1: Anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về ý kiến: “*Khiêm tốn là một điều không thể thiếu cho những ai muốn thành công trên đường đời*”.

Hướng dẫn:

* Giới thiệu vấn đề

* Giải thích vấn đề

- Khiêm tốn: là đức tính nhã nhặn, nhún nhường, không đề cao cái mình có và luôn coi trọng người khác.

- Thành công là đạt được kết quả như mong muốn, thực hiện được mục tiêu đề ra.

⇒ Khiêm tốn và thành công có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, chỉ khi bạn có lòng khiêm tốn mới đạt được thành công thực sự trên đường đời.

* Bàn luận vấn đề

- Vì sao phải khiêm tốn mới đạt được thành công thực sự.

+ Cá nhân dù có tài năng đến đâu cũng chỉ là giọt nước bé nhỏ giữa đại dương bao la. Bởi vậy cần học nữa, học mãi để làm đầy, làm phong phú vốn tri thức, sự hiểu biết của bản thân.

+ Chúng ta đạt được thành công mà không khiêm tốn dẫn đến thói tự cao, tự đại, đề cao thái quá thành tích của bản thân, không chịu tiếp tục cố gắng, tất yếu sẽ dẫn đến thất bại.

+ Khi đạt được thành công bước đầu, nếu có lòng khiêm tốn, không ngừng học hỏi thêm chúng ta sẽ đạt được thành công lớn hơn, vinh quang hơn.

- Dẫn chứng (HS tự tìm dẫn chứng phù hợp)

* Mở rộng vấn đề và liên hệ bản thân.

+ Phê phán những kẻ thiếu khiêm tốn, luôn tự cao tự đại, cho mình tài giỏi hơn những người khác.

+ Học lời sống khiêm tốn giúp chúng ta ngày càng hoàn thiện mình và không ngừng phấn đấu vươn lên để đạt được thành công trong cuộc sống.

Đề 2: Anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) với chủ đề: *Giá trị của lời xin lỗi đúng cách?*

Gợi ý đoạn văn:

* Câu mở đoạn: Dẫn ý liên quan (có thể lấy câu chuyện trong phần Đọc hiểu) để nêu vấn đề cần nghị luận.

* Các câu phát triển đoạn:

- Giải thích: Lời xin lỗi là lời nói, hành động thể hiện sự nhận thức và hối lỗi của mình khi có những suy nghĩ, hành động sai trái.

- Bàn luận:

+ Có nhiều cách để thực hiện lời xin lỗi, tuy nhiên để lời xin lỗi có giá trị cao nhất, cần thực hiện nó đúng cách.

+ Xin lỗi đúng cách sẽ dễ nhận được sự đồng cảm tha thứ hơn.

+ Xin lỗi đúng cách sẽ giúp bạn thoải mái hơn vì được giải tỏa mặc cảm tội lỗi.

+ Xin lỗi đúng cách cũng góp phần nâng cao phẩm giá, nhân cách của bạn.

* Câu kết đoạn: đưa ra bài học nhận thức và hành động phù hợp: Cần rèn luyện cho mình một cái tâm chân thành để khi sai lỗi, biết nhận lỗi và thực hiện việc hối lỗi đúng đắn.

NGHỆ THUẬT SỬ DỤNG NGÔN NGỮ QUA BÀI THƠ:

CÂU CÁ MÙA THU – NGUYỄN KHUYẾN

1. Giá trị ngôn ngữ dân tộc trong thơ Nguyễn Khuyến.

Ngôn ngữ dân tộc trong thơ Nguyễn Khuyến nôm na, giản dị nhưng cũng rất tinh tế điêu luyện. Ông có biệt tài sử dụng từ láy: láy tượng thanh, láy tượng hình, láy đôi,

láy ba, láy tư, từ láy với khuôn vần hóc hiểm...có khi được xem là tử vận nhưng lại được đánh giá là nhãn tự của toàn bài. Nguyễn Khuyến là người tiếp nối thành tựu thơ Nôm từ thời Nguyễn Trãi, Nguyễn Bỉnh Khiêm, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Du, Bà Huyện Thanh Quan,...để tiếng Việt trở thành ngôn ngữ văn học đạt tới đỉnh cao nghệ thuật

2. Hoàn cảnh sáng tác

- “Câu cá mùa thu” (Thu điếu) nằm trong chùm ba bài thơ thu của Nguyễn Khuyến: *Thu vịnh, Thu điếu, Thu ẩm*.

- Vần thơ ông, vần thơ tâm sự thời thế chứa chan lòng yêu nước, thương dân, thấm đẫm tình làng quê nghèo mộc mạc miền Bắc Bộ Việt Nam.

3. Dàn ý phân tích nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ qua bài “Câu cá mùa thu” của Nguyễn Khuyến.

I. Mở bài

Mùa thu vốn là đề tài muôn thở trong thơ, văn của các thi sĩ => Mang đến nỗi buồn man mác, gợi nhớ điều gì đó.

- Nguyễn Khuyến cũng là một trong số đó.

- Sống trong thời kì các phong trào đấu tranh yêu nước bị dập tắt => bất lực vì không làm được gì để thay đổi thời cuộc => cáo quan về ở ẩn.

=> Tâm trạng bất mãn, bế tắc. “Câu cá mùa thu” (trích “Thu điếu”) là bài thơ tả cảnh ngụ tình đặc sắc.

=> Tình yêu thiên nhiên, đất nước và tâm trạng của ông.

II. Thân bài

1. Khái quát

- Bài thơ được viết bằng thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật, với ngôn ngữ tinh tế, hình tượng và biểu cảm => Trời thu xanh đẹp của làng quê Việt Nam hiện lên trong dáng vẻ tuyệt vời dưới ngòi bút NK.

2. Phân tích

2.1. Sáu câu đầu: Khung cảnh trời thu vùng đồng bằng Bắc Bộ

(Trích 6 câu đầu)

*** Hai câu đầu**

- Nhịp thơ 2/2/3 => Sự cô đơn, trống trải, rồi thời gian “Ao thu” miêu tả không gian vắng vẻ, tĩnh lặng.

- Từ láy “lạnh lẽo” => Sự vắng, hoang lạnh trong lòng nhà thơ => Nội tâm của ông.
- Hai vần “eo” => Câu thơ thể hiện sự co lại, đọng lại không nhúc nhích => Cảm giác lạnh lẽo một cách lạ thường.
- Khung ao tuy hẹp nhưng tác giả không bị giới hạn mà còn mở rộng ra => Trong không khí se lạnh đó dường như làm cho làn nước ao trong veo hơn.
- “Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo” => Sự hiện diện của con người => Sự hữu hạn của không gian lấy động tả tĩnh “lá vàng trước gió” => Miêu tả cảnh quê Việt Nam.
- Sự hun hút, hùng vĩ của cảnh vật.

***Hai câu kệ**

*“Sóng biếc theo làn hơi gợn tí,
Lá vàng trước gió khẽ đưa vèo.”*

- Nhịp 4/3 => âm hưởng nhanh => sự thay đổi của cảnh vật “Lá vàng” biểu tượng đặc trưng cho mùa thu => dấu ấn lắng đọng tạo nên nỗi buồn của NK => Nghệ thuật đối tinh tế: “khẽ” >< “đưa vèo”

=> “Vèo” có ý chỉ tốc độ nhanh, thoáng qua, không kịp nắm bắt => nhà thơ đã dùng cái động của “lá vàng trước gió” để miêu tả cái tĩnh của cảnh thu làng quê

- Con “sóng biếc” nhỏ “hơi gợn tí” và chiếc lá “trước gió khẽ đưa vèo” => Tưởng như mâu với nhau => nhưng thật ra Nguyễn Khuyến đã quan sát kĩ theo chiếc lá bay trong gió => Chiếc lá rất nhẹ và thon thon hình thuyền chao đảo liệng đi trong không gian, rơi xuống mặt hồ yên tĩnh.

=> Phải có một tâm hồn yêu thiên nhiên thật sâu sắc thì mới có thể cảm nhận những hình ảnh, âm thanh tưởng chừng không ai để ý đến.

=> Vần “eo” => Mở rộng không gian theo chiều cao => sự khoáng đạt, rộng rãi cho cảnh vật => Tác giả không giữ trong lòng nỗi buồn mà đã chuyển sang cảnh vật.

=> Chiều rộng, thoáng đãng của cảnh vật

***Hai câu kết**

*“Tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt,
Ngõ trúc quanh co khách vắng teo.”*

– Nhịp thơ 4/3 => âm hưởng trầm buồn => tìm kiếm một thứ gì đó hình ảnh tre trúc, bầu trời thu, ngã quanh co => biểu tượng quen thuộc nhuộm màu sắc thôn quê VN

– Tác giả ngóng ra xa “ngõ trúc” để tìm một người dân quê người bạn tri kỉ của NK => Tìm sự đồng cảm trong tâm trạng => Nỗi mong chờ thiết tha và da diết.

– Bức tranh mùa thu Bắc Bộ thật đẹp bởi có sự hài hòa giữa độ động và tĩnh.

– Trước đây Nguyễn Du đã từng viết về mùa thu với:

“Long lanh đáy nước in trời

Thành xây khói biếc non phơi bóng vàng.”

=> Trong cái không khí se lạnh đó của thôn quê, những tưởng sẽ không có bóng dáng của con người, ấy vậy mà thật bất ngờ đối với người đọc sang hai câu thơ cuối đã chứa đựng tình thu của tác giả

2.2. Hai câu cuối: Tình thu

“Tựa gối buông cần lâu chẳng được,

Cá đâu đớp động dưới chân bèo.”

Nhịp thơ 2/2/3 => âm hưởng chậm đi => nỗi lòng buồn đau đáu của tác giả.

– Trong những ngày từ quan lui về ở ẩn, mùa thu câu cá, đó là thú vui tao nhã của nhà thơ để hòa mình vào thiên nhiên => Quên đi những bận lòng với nước non động từ “buông” => Trạng thái thả lỏng => Đi câu không cốt để kiếm cái ăn mà để giải trí đang ôm cần câu cá nhưng tâm hồn nhà thơ như đang đắm chìm vào giấc mộng mùa thu => Bỗng trở về thực tại khi “cá đâu đớp động dưới chân bèo”, nghệ thuật lấy động tả tĩnh => Làm nổi bật khung cảnh tịch mịch của chiếc ao thu => Cảnh vật luôn giao hòa với con người.

– Cảnh vật ao thu, trời thu êm đềm, vắng lặng như chính nỗi lòng của nhà thơ vậy: buồn cô đơn và trống vắng.

➤ Vần “eo” đi vào bài thơ rất tự nhiên thoải mái. Âm hưởng của những vần thơ cuốn hút. Sự cảm nhận tinh tế về những gam màu đậm, nhạt, những nét vẽ gần xa => Bức tranh mùa thu đồng bằng Bắc Bộ.

III. Kết bài

– Nguyễn Khuyến yêu thiên nhiên mùa thu, yêu cảnh sắc đồng quê với tất cả tình quê nồng hậu.

– Đọc “Thu điếu”, “Thu ẩm”, “Thu vịnh”, chúng ta thêm yêu tiếng việt, yêu mùa thu quê hương, yêu xóm thôn đồng nội, đất nước.

BÀI TẬP: Suu tầm bài thơ “Thu vịnh” (Vịnh mùa thu), “Thu ẩm” (Uống rượu mùa thu) để hiểu thêm về bút pháp nghệ thuật đặc sắc của Nguyễn Khuyến qua 2 tác phẩm trên.

BÀI CA NGÁT NGƯỜNG

-Nguyễn Công Trứ-

I. Tìm hiểu chung:

1. Tác giả: Nguyễn Công Trứ (1778-1858)

a. Cuộc đời:

- Tên tự: Tồn Chất, hiệu: Hi Văn

Quê: làng Uy Viễn, Nghi Xuân, Hà Tĩnh. Xuất thân trong gia đình nhà nho.

- Từ nhỏ đến 1819, sống nghèo khó, có điều kiện tham gia sinh hoạt hát ả đào ở làng Cổ Đàm- gần làng ông.

- Năm 1819, đỗ giải Nguyên và được bổ làm quan. Tuy nhiên, con đường hoạn lộ không bằng phẳng.

- Tài năng và nhiệt huyết trên nhiều lĩnh vực.

- Sống bản lĩnh, phóng khoáng và tự tin, có nhiều đóng góp cho dân cho nước.

b. Sáng tác:

- Hầu hết là chữ Nôm.

- Thể loại ưa thích là hát nói. Ông góp phần quan trọng vào việc phát triển thể hát nói.

- Để lại khoảng 50 bài thơ, 60 bài hát nói, một bài phú (Hàn nho phong vị phú) và một số bài thơ chữ Hán.

2. Tác phẩm:

a. Hoàn cảnh sáng tác: sau năm 1848 – năm ông cáo quan về hưu.

b. Thể loại: hát nói (tương đối tự do, phóng khoáng, kết hợp lục bát, song thất lục bát với kiểu nói lối của hát chèo).

c. Đề tài: đề cập một cách trực diện phong cách thái độ sống của bản thân. Bài thơ tự thuật nâng lên thành triết lí sống.

d. Kết cấu:

- 6 câu đầu: tự thuật quãng đời làm quan.

- 10 câu tiếp: tự thuật quãng đời về hưu.

- 3 câu cuối: vẽ đẹp nhân cách Nguyễn Công Trứ.

II. Đọc- hiểu văn bản:

1. Ý nghĩa từ “ngất ngưỡng”: 4 lần sử dụng.

- Nghĩa đen: tư thế ngã nghiêng, không vững chắc.

- Trong tác phẩm: chỉ phong cách sống khác người của tác giả.

→ Cảm hứng chủ đạo biểu hiện qua từ “*ngất ngưỡng*”. Ngất ngưỡng: biểu hiện một thái độ, một con người vươn lên trên thế tục để được sống đúng là chính mình.

2. Bài ca ngất ngưỡng là bản tổng kết cuộc đời của Nguyễn Công Trứ:

a. Lúc làm quan:

- Câu mở đầu: *Vũ trụ nội mạc phi phận sự*

+ Dùng chữ Hán: trang trọng, quen thuộc trong ca trù.

+ Dùng lối nói phủ định để khẳng định: mọi việc trong trời đất đều là phận sự của ta → khẳng định vai trò của kẻ sĩ (nam nhi) theo quan niệm phong kiến “*tề gia, trị quốc, bình thiên hạ*” → đề cao vai trò bản thân.

- Ông Hi Văn tài bộ đã vào lòng

xung tên

xung tài

sự trói buộc (vào cuộc nhưng không nhập cuộc)

bản lĩnh NCTrứ (không nhận ngang hàng, vượt lên trên)

→ Tự nguyện đem tài năng, tự do nhốt vào vòng trói buộc. Làm quan là trói buộc nhưng đó là điều kiện để thực hiện hoài bão và tài năng (phục vụ cho dân cho nước).

- *Khi thủ khoa, khi Tham tán, khi Tổng đốc đông*

Gồm thao lược đã nên tay ngất ngưỡng

Lúc bình Tây, cờ đại tướng.

Có khi về Phủ doãn Thừa Thiên.

+ Liệt kê: khoe tài năng: giỏi văn chương, tinh thao lược.

khoe danh vị: Tham tán, Tổng đốc.

+ Nhịp thơ: 3/3/4

3/2/3

3/3

3/4

Nhịp thơ biến hóa thể hiện thái độ
tự tin, tự hào về bản thân

+ Giọng điệu sáng khoái: kể toàn chuyện lớn lao, hiển hách mà nghe như nói chơi; người tự ý thức tài năng hơn người mới có cách nói ấy.

⇒ 4 câu: Ngất ngưỡng bằng chính tài năng và sự nghiệp của một người văn võ song toàn.

Đó cũng chính là bản lĩnh của ông Hi Văn.

* **Tiểu kết:** Qua lời giới thiệu đầy tự hào và ngạo nghễ, Nguyễn Công Trứ đã cho ta thấy những danh hiệu đã đánh dấu một đời tài năng với bao gian khổ phấn đấu, cống hiến cho đất nước.

b. Khi cáo quan hưu:

Người ta
Tàn lọng, ngựa xe

Còn ông
Ngắt ngưỡng trên lưng con bò
Bò vàng đeo nhạc ngựa, treo mo cau vào đuôi bò
Dẫn hầu gái lên chùa, xem hát ả đào
→ Tự đánh giá cao những việc làm đó

→ Việc làm ngược đời, theo sở thích cá nhân vượt lên lẽ thói thông thường.

- Diễn tích “tái thượng”: không quan tâm đến việc được mất, khen chê.

- Diễn tích “Trái, Nhạc, Hàn, Phú”: một lần nữa khẳng định mình đã giữ được trọn vẹn và xuất sắc việc đời và trọn đạo vua tôi.

- Câu kết: từ “ngắt ngưỡng” thể hiện cách nhìn của tác giả về tài năng của mình, thấy mình là người tài năng và trọn đạo vua tôi nên ông có thể “ngắt ngưỡng” với đời với người.

Như vậy: “*ngắt ngưỡng*” là phong cách sống nhất quán kể từ khi làm quan và khi nghỉ hưu. “ngắt ngưỡng” là:

- Khác người, xem mình cao hơn người khác.

- Thỏa mái, tự do, phóng túng, không theo khuôn khổ nào.

- Trêu người, chọc tức người khác.

Trong trường hợp này, “ngắt ngưỡng” có ý nghĩa tiến bộ tích cực.

3. Nghệ thuật:

- Giọng điệu: tự thuật, tự nhìn nhận và đánh giá bản thân. Giọng điệu thơ tự hào, sáng khoái, tự tin.

- Hình thức tự do, phù hợp với quan niệm mới mẻ về phong cách sống. Tính chất tự do, phóng túng của nhịp điệu, vần, đối xứng của thể hát nói được khai thác để diễn đạt nội dung tự sự và chất trữ tình của bài thơ.

III. Tổng kết: Qua thái độ *ngắt ngưỡng*, tác giả muốn thể hiện một phong cách sống đẹp, có bản lĩnh:

- Hết lòng vì vua, vì nước, bất chấp mọi được-mất, khen- chê.

- Ý thức rõ về giá trị bản thân: tài năng, địa vị, phẩm chất. Một con người sống tích cực, biết sống và dám sống cho mình.

Hướng dẫn tự học: BÀI CA NGẪN ĐI TRÊN BÃI CÁT

(*Sa hành đoản ca*) - Cao Bá Quát

I. Tìm hiểu chung:

1. Tác giả: Cao Bá Quát (1809?- 1855)

- Tham gia khởi nghĩa Mỹ Lương chống nhà Nguyễn bị tử trận.
- Con đường làm quan có nhiều thăng trầm.
- Có tài năng và bản lĩnh, được tôn thờ là Thánh Quát.

2. Tác phẩm: *Bài ca ngẩn đi trên bãi cát.*

- Hoàn cảnh sáng tác.
- Nội dung.
- Thể loại.
- Bố cục:
 - + 4 câu đầu: Ý nghĩa tượng trưng của hình ảnh người đi trên bãi cát.
 - + Còn lại: tâm trạng lữ khách.

II. Đọc- hiểu văn bản:

1. Ý nghĩa tượng trưng hình ảnh người đi trên bãi cát:

- Bãi cát dài lại bãi cát dài

Diệp ngữ: sa mạc cát mênh mông, những bãi cát dài vô tận nối tiếp nhau.

→ Hình ảnh tả thực: bãi cát đẹp nhưng dữ dội, khắc nghiệt đã gợi cho nhà thơ sáng tác bài thơ này.

→ Hình ảnh tượng trưng: cuộc đời mênh mông rộng lớn đầy khó khăn, gian khổ.

- Đi một bước / lùi một bước

Tiêu đối: ngắt câu thơ → dường như có những cản trở, trì kéo bước chân người đi đường

→ Hình ảnh tả thực: đi trên cát khó hơn, dùng sức nhiều hơn đường đất bình thường.

→ Hình ảnh biểu tượng: con đường đầy chông gai, gian khổ mà con người phải vượt qua.

- Mặt trời đã lặn, chưa dừng được → bước đi của thời gian ngày sắp tàn áp lực đè nặng trên đôi chân.

→ hoàn cảnh khó khăn, cực khổ, con người bước đi từng bước nặng nề, mệt nhọc.

→ sự bế tắc của người trí thức trước chuyển biến thời cuộc.

- *Lữ khách trên đường nước mắt đã rơi*

→ tâm trạng đau khổ vì khó nhọc của tác giả như đang bộc lộ hết ra bên ngoài.

→ sự mệt mỏi, căng thẳng, cô đơn, lạc lõng, hoang mang và buồn nản trong sự bế tắc đến cùng cực của nhân vật trữ tình.

* **Tiểu kết:**

- *Đoạn thơ không nói trực tiếp mà gọi liên tưởng đến con đường của kẻ sĩ-đường đời xa xôi biết chọn ngã nào? (Liên hệ cuộc đời Cao Bá Quát chống phong kiến).*

- *Đoạn thơ sử dụng hình ảnh độc đáo, sáng tạo.*

2. Tâm trạng lữ khách:

a. Thái độ coi khinh danh lợi:

Không học được ông tiên phép ngủ

Trèo non lội suối giận khôn vơi!

- Diễn tích: ước sao học được tiên ông phép ngủ để khỏi phải chường tai gai mắt, khỏi phải đắn đo suy nghĩ → đối lập với cuộc đời.

- Phủ định “không”: khẳng định sẽ tiếp tục dấn thân vào con đường đầy chông gai, nhọc nhằn mà mình đã chọn → không quay lưng với cuộc đời.

- *giận không vơi:*

+ *ngắt nhịp 2/2/3* → con đường khó khăn, cơ cực

+ từ cảm thán: lời tự vấn, tiếng nói nghiêm khắc phê phán bản thân → nỗi chán nản của tác giả vì tự mình hành hạ thân xác theo đuổi công danh

Tiểu kết: nhà thơ tự vấn: làm sao có thể làm ngơ trước bao cảnh ngổn ngang chông chất như cát, như núi, như nước giữa cuộc đời nhân thế?

Xưa nay, phường danh lợi

Tất tả trên đường đời

Đầu gió hơi men thom quán rượu

Người say vô số, tính bao người ?

- “*phường danh lợi*” (nhiều người): giọng điệu mỉa mai, châm biếm → chôn công danh xô bồ, chen chúc tranh danh lợi.

- *tắt tả*: chạy ngược chạy xuôi → công danh là cái bả cám dỗ ghê ghớm khiến nhiều kẻ phải chạy ngược chạy xuôi → xã hội nháo nhác, rối ren, hỗn tạp.
- *men, rượu*: danh lợi như rượu ngon dễ làm say lòng người.
- *người say vô số* (>< tình bao người) kẻ tiểu nhân vô số đang say men danh lợi, mưu cầu lợi ích cho bản thân; mấy ai đủ tỉnh táo để thoát khỏi sức cám dỗ ghê ghớm đó?
- Câu hỏi tu từ: sự trần trở về chuyện công danh
- Phê phán những kẻ tắt tả trên con đường danh lợi, đồng thời cũng tự cảnh tỉnh mình trước bã công danh

Tiểu kết:

+ ***Đoạn thơ thể hiện nhận thức mới mẻ của lữ khách: cả xã hội đang nháo nhào tìm kiếm danh lợi vô nghĩa. Và nỗi buồn càng trào dâng khi người đi đường cũng bị cuốn vào con đường ấy.***

+ ***Tâm tư tưởng cao rộng của Cao Bá Quát: nhận thấy rõ tính chất vô nghĩa của lối học khoa cử, của con đường công danh theo lối cũ.***

b. Tâm trạng bế tắc của lữ khách:

- *Bãi cát dài, bãi cát dài ơi!* (Cảm xúc tăng lên so với câu đầu)

Tính sao đây đường bằng mờ mịt?

+ Điệp từ, câu cảm thán: sự đau đớn, chán nản tăng lên gấp bội khi nhân vật trữ tình trước không gian bao la, hoang vắng.

+ *Tính sao đây?*: câu hỏi tu từ: băn khoăn tự hỏi: nên đi tiếp hay dừng lại?

- *Phía bắc núi bắc....*

... trên bãi cát?

+ Các từ chỉ phương hướng không gian rộng lớn (sóng, núi non, bắc, nam) đều bị chặn lại, không có đường đi.

→ bế tắc, không tìm thấy lối thoát trên đường đời.

+ *Anh còn đứng làm chi... ?*

Câu hỏi tu từ: nhắc nhở, thúc giục tìm kiếm lối thoát, tìm kiếm một con đường đi để thoát khỏi bãi cát dài càng đi càng lún.

→ niềm khao khát mãnh liệt, cháy bỏng muốn đổi mới cuộc sống của nhà thơ.

III. Tổng kết: (Ghi nhớ SGK)

---HẾT---